

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NOONG HỆT

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN-2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NOONG HỆT

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Thị Mai Thanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lò Thị Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Trần Thị Mỹ	Giáo viên	Thư ký hội đồng	
4	Phạm Thị Phương	Giáo viên - Tổ trưởng tổ MG lớn – MG bé	Ủy viên hội đồng	
5	Lê Thị Tuyết	Giáo viên – Tổ trưởng tổ MG Nhỡ – Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Thị Bình	Giáo viên - Tổ phó tổ MG lớn – MG bé	Ủy viên hội đồng	
7	Đặng Thị Bích Ngọc	Giáo viên - Tổ phó Tổ tổ MG Nhỡ – Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
8	Vũ Thị Tuyết Liên	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
9	Hoàng Thị Hà	Bí thư ĐTNCSHCM	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ cái viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	45
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	53
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	63
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN	64
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	66
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	68
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	71

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	74
Phần IV: PHỤ LỤC	76

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CSGD	Chăm sóc giáo dục
2	GDMN	Giáo dục mầm non
3	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
4	UBND	Ủy ban nhân dân
5	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 2 đạt 25/25 tiêu chí.

Mức 3 đạt 14/19 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non xã Noong Hẹt

Tên trước đây (nếu có): Không

Phòng Giáo dục và Đào tạo: Huyện Điện Biên

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Vũ Thị Mai Thanh
Huyện/quận /thị xã/ thành phố	Huyện Điện	Điện thoại	0858.028.999
Xã / phường/thị trấn	Noong Hẹt	Fax	
Đạt Chuẩn quốc gia	Mức độ 1	Website	https:// edu.viettel.vn/dbn- dienbien-mnnoong het
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	640/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 05 năm 2007	Số điểm trường	1
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2022- 2023
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	1	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	3	3	2	3	3
Số lớp mẫu giáo 3-	3	3	2	3	3

4 tuổi					
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	3	2	2
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	2	2	3	3	3
Cộng	10	10	11	11	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	9	
2	Phòng bán kiên cố	3	3	4	4	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	0	0	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	0	0	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	8	8	8	8	8	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (2 phòng), văn phòng, trường, nhân viên, bảo vệ, khu

							vệ sinh
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	Khu để xe
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2	2	2	
1	Bếp ăn.	1	1	1	1	1	
2	Kho bếp	1	1	1	1	1	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	6	6	6	6	6	
1	Phòng y tế	1	1	1	1	1	
2	Nhà kho	1	1	1	1	1	
3	Sân vườn	2	2	2	2	2	
4	Cổng, hàng rào	2	2	2	2	2	
	Cộng	27	27	27	27	28	

3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	1	0	0	2	
Giáo viên	22	22	4	0	0	22	
Nhân viên	2	2	0	0	1	2	
Cộng	27	27	5	0	1	27	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2022-2023

1	Tổng số giáo viên	20	20	22	22	22
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	15	15	15,5	14,5	13,33
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	18	18,6	14,3	13,8	13,25
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	11	11	16	16	19
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	2	2	2	3

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	342	351	323	308	292	
	- Nữ	149	156	151	128	130	
	- Dân tộc thiểu số	137	139	123	108	108	
2	Đối tượng chính sách	73	77	52	46	70	
3	Khuyết tật	1	0	0	1	0	
4	Tuyển mới	144	96	88	51	85	
5	Học 2 buổi/ngày	342	351	323	308	292	

6	Bán trú	342	351	323	308	292	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	36	37,2	28,75	27,62	26,5	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	30	30	31	29	26,6	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	23	14	17	22	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	90	67	79	70	40	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	85	85	60	81	80	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	86	89	81	60	50	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	81	87	89	80	82	
9	Các số liệu khác						

b) Công tác phổ cập giáo dục mầm non và kết quả phổ cập

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ (%) huy động	355/521 = 68%	358/488 = 73%	329/462 = 71%	321/427 = 75%	292/348 = 83,90%	

	trẻ em lứa tuổi mầm non tới trường						
2	Tỷ lệ (%) huy động trẻ em lứa tuổi mầm non 3-36 tháng tuổi	45	45,2	50	50,2	58	
3	Tỷ lệ (%) huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	100	100	100	100	100	
4	Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	100	100	100	100	100	
5	Tỷ lệ (%) trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập	100	0	0	100	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non xã Noong Hẹt được chia tách theo quyết định số 640/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 05 năm 2007 của UBND huyện Điện Biên. Trường nằm trên địa bàn Thôn Duyên Long - xã Noong Hẹt - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có tổng diện tích là 3854,4m², trong đó diện tích phòng học là 1268m², diện tích sân vườn cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 2686,4m². Cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường rào bao quanh, có sân chơi lát xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như: Phòng nghệ thuật, khu vui chơi vận động với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao trực tiếp của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, do đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc: Từ năm 2017 đến 2023 trường liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện tặng giấy khen và tập thể lao động xuất sắc được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc được Công đoàn giáo dục tỉnh Điện Biên tặng giấy khen và bằng khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Từ năm 2017 nhà trường vinh dự được công nhận là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực, tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Trong đó, giáo viên dạy giỏi các cấp là 19/22 đạt 86,3%. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường, duy trì

nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trong những năm thành lập và đi vào hoạt động, trường Mầm non xã Noong Hẹt đã có bước phát triển vững chắc, khẳng định được chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường: Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục, đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, được dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

- Bước 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn, dân chủ, công khai khoa học.

Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non xã Noong Hẹt có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Phân

công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động. Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược phát triển trường mầm non xã Noong Hẹt giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.1-01].

Hàng năm, nhà trường căn cứ theo kế hoạch từng giai đoạn cụ thể hóa thành kế hoạch kế hoạch phát triển của nhà trường theo từng năm học [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường xây dựng kế hoạch số 86/KHCL-TMNNH ngày 06/09/2021 về “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” [H1-1.1-01] và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học, kế hoạch phát triển nhà trường được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện [H1-1.1-02].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội nghị viên chức đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Giao cho Hội đồng trường, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng chiến lược phát triển hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04], phối hợp với Ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.1- 05], kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phù hợp với mục tiêu giáo dục [H1-1.1.06].

Mức 3:

Định kỳ 01 năm/lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường thông qua họp phiên thứ nhất; cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua họp hội nghị viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ thông qua họp ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm [H1-1.1-04]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn và được cụ thể thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm, phù hợp với mục tiêu GDMN, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm và công khai niêm yết trên bảng tin của nhà trường. Hàng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công khai kế hoạch phát triển nhà trường lên bảng tin của trường và thông qua các cuộc họp phụ huynh học sinh, họp hội đồng sư phạm nhà trường...	cán bộ, giáo viên, nhân viên	Bảng tin của trường, phòng Giáo dục và Đào tạo.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- Được thành lập theo quy định;
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BG&ĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non, Hội đồng trường gồm 11 thành viên theo theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 17 tháng 2 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường mầm non xã Noong Hẹt nhiệm kỳ 2022-2026 [H1-1.1-04]; các hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: hội đồng

thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-02]; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-03]; hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư 52/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện Quyết nghị về mục tiêu chiến lược các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người để bổ nhiệm làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền [H1-1.1-04]; hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua [H1-1.2-01]; hội đồng chấm sáng kiến giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên [H1-1.2-02]; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên [H1-1.2-03]; hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục nhà trường của từng độ tuổi [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung các hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường, thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà trường cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.	Cán bộ quản lý	Chiến lược phát triển của nhà trường	Tháng 8 hàng năm	Không
Tiếp tục công khai kế hoạch phát triển nhà trường lên bảng tin của trường và thông qua các cuộc họp phụ huynh học sinh, họp hội đồng sư phạm nhà trường...	cán bộ, giáo viên, nhân viên	Bảng tin của trường, phòng Giáo dục và Đào tạo.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân nâng cao chất lượng các hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt của nhà trường	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 27 công đoàn viên, có ban chấp hành công đoàn gồm 3 thành viên là chủ tịch công đoàn là đồng chí Vũ Thị Tuyết Liên, 2 ủy viên ban chấp hành Đặng Thị Bích Ngọc và Lương Năm Thêm [H1-1.3-01]; có 01 chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 11 thành viên, có 1 bí thư là đồng chí Hoàng Thị Hà, 1 đồng chí phó bí thư Lê Thị Tuyết và 1 đồng chí ủy viên Quàng Thị Hồng Nhung [H1-1.3-02].

Hàng năm Công đoàn, đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn, Điều lệ đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục đề ra [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Trong những năm qua các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm 1 đồng chí là Vũ Thị Mai Thanh bí thư, 2 đồng chí ủy viên Vũ Thị Biên, Lò Thị Phương, và 17 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Noong Hẹt đánh giá 05 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, Pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm được Đảng ủy xã Noong Hẹt đánh giá chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ: Quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, quỹ ủng hộ dịch bệnh Covid-19, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 04 đến 05 đồng chí, các hoạt động đó đã đóng góp hiệu

quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng ủy xã Noong Hẹt tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường, tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường cho phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng mọi mặt của nhà trường.	Phó bí thư, Đảng viên, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ cụ thể, xây dựng quy chế hoạt động.	Trong năm học 2022-2023, và các năm học tiếp theo	Không
Các đoàn thể, tổ chức phối hợp tốt trong việc thực hiện các hoạt động của nhà trường.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Nhà trường giới thiệu quần chúng ưu tú tham gia lớp học nhận thức chính trị về Đảng.	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng (Vũ Thị Mai Thanh), 02 Phó hiệu trưởng (Lò Thị Phương, Hà Thị Thuý) đủ theo quy định tại thông tư số: 06/2015/TTLT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở GNMN công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: 01 tổ Mẫu giáo lớn + Mẫu giáo bé với 13 thành viên, 01 tổ mẫu giáo nhỡ + nhà trẻ với 11 thành viên; 01 tổ văn phòng gồm có 03 thành viên. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có tổ trưởng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Hằng năm tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình GDMN, thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tham gia đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên trong tổ văn phòng theo quy định. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất 2 tuần một lần, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

Tổ chuyên môn căn cứ vào các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Trong 5 năm tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được nhiều chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những đề xuất thực tế của giáo viên, qua việc tổ chức các tiết chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ giáo viên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2022-2023 như: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, chuyên đề lớp học hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm; chuyên đề đổi mới trong dạy học; kỹ năng phòng chống thiên tai và tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non; chuyên đề tăng cường tiếng Việt các chuyên đề được tổ chức thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.1-06]; [H1-1.4-03].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh, có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hai tuần một lần, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học, kế hoạch tháng cụ thể, phù hợp điều kiện thực tiễn. Các tổ chuyên môn đề xuất các chuyên đề và tổ chức các hoạt động theo quy định, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động, ...	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	
Các tổ chuyên môn chủ động, tích cực đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.		Không
Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên, tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2022-2023	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học vừa qua các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2022-2023 nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 292 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 80 học sinh, 03 lớp mẫu giáo bé với 80 học sinh, 02 lớp mẫu giáo nhỡ với 50 học sinh, 03 lớp mẫu giáo lớn với 82 học sinh [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày [H1-1.5-01].

Trong 5 năm qua, nhà trường có 2 trẻ khuyết tật học hòa nhập, cụ thể như sau: năm học 2017-2018 có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập tại lớp mẫu giáo lớn A2; năm học 2020-2021 có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập tại lớp mẫu giáo lớn A3 [H1-1.5-02].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá số lượng trẻ theo quy định. Năm học 2022-2023 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 292 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 80 học sinh, bình quân 26,6 trẻ/nhóm, 03 lớp mẫu giáo bé với 80 học sinh, bình quân 26,6 trẻ/lớp; 02 lớp mẫu giáo nhỡ với 50 học sinh, bình quân 25 trẻ/lớp; 03 lớp mẫu giáo lớn với 82 học sinh, bình quân 27,3 trẻ/lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Năm học 2018-2019 là 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2019-2020 là 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2020-2021 là 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2022-2023 có tổng số là 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; đến thời điểm hiện tại nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, không năm nào vượt quá số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trong 5 năm liên tục nhà trường có 02 trẻ khuyết tật. Mỗi nhóm, lớp không quá 02 trẻ cùng dạng khuyết tật. Nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh

	hiện			phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0 - 2 tuổi và trẻ 3 - 5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, kế hoạch giáo dục trẻ em.	Năm học 2022-2023, Trong các năm học tiếp theo.	Không
Tích cực hơn nữa trong công tác tham mưu, sắp xếp trường lớp theo quy định.	Cán bộ quản lý.	Phân công nhiệm vụ.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định tại điều 21, Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý

trẻ em [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo năm học [H1-1.6-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-05].

Hằng năm nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định, công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1.6-04]; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong các năm học việc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin chất lượng và hiệu quả là thế mạnh của nhà trường trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, sử dụng phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu quốc gia, hồ sơ công việc và trang Website của trường trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [1.6-07].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023 nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1.1. 6-04].

Mức 3:

Trong 05 năm qua nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật như: Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 [H1-1.1-01]; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển nhà trường từng năm học [H1-1.1-02]; dự toán ngân sách [H1.1.6-04]; kế hoạch vận động tài trợ xã hội hóa giáo dục [H1-1.6-08], đề án vị trí việc làm [H1-1.6-09]; nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hằng năm nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường, sử dụng tài sản, tài chính đúng mục đích, thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực

tế và các quy định hiện hành. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục quản lý, lưu trữ hệ thống hồ sơ sổ sách khoa học, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài sản, cơ sở vật chất, hàng năm thu thập lưu trữ minh chứng về hồ sơ sổ sách.	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường. phần mềm Misa , phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu, hồ sơ công việc và Website của trường	Năm học 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo	Không
Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của trường	Hiệu trưởng, kế toán, các tổ trưởng, bảo vệ	Quy chế sử dụng tài sản công, Quy chế chi tiêu nội bộ		Không
Xây dựng kế hoạch vận động tài trợ nhằm thu hút các nguồn lực hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục tăng cường nguồn lực đầu tư góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.	Hiệu trưởng, hiệu phó, Ban đại diện cha mẹ trẻ em, chủ tịch Công đoàn, kế toán, giáo viên.	Kế hoạch xã hội hóa giáo dục		Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và nhân viên phù hợp với thực trạng đội ngũ và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường theo từng năm học [H1-1.7-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10, điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất và tinh thần; tự chủ về chuyên môn, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được khen thưởng tặng danh hiệu thi đua, được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ, quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-05]; [H1-1.3-01].

Mức 2:

Trong các năm qua, nhà trường luôn chú trọng các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tích cực đổi mới công tác quản lý chỉ đạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; làm tốt công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo học các lớp nâng cao trình độ. Xây dựng kế hoạch nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhu cầu, vị trí việc làm. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp điều kiện hoàn cảnh của từng người, nhằm phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà

trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tôn trọng và bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho giáo viên. Đổi mới nội dung, hình thức bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.	Cán bộ quản lý	Điều lệ trường mầm non. Các văn bản liên quan		Không
Khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trong và ngoài nhà trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường. Năm học 2022-2023 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư ban hành Chương trình GDMN, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của trường, địa phương và có đánh giá chương trình giáo dục của nhà trường theo định kì [H1-1.2-04].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.6-02]

Từ năm học 2018-2019 đến nay xây dựng chương trình nhà trường và thực hiện thẩm định đánh giá chương trình nhà trường theo năm học để kịp thời điều chỉnh, rà soát, đánh giá bổ sung và phát triển chương trình trong những năm kế tiếp [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các đợt kiểm tra chất lượng trẻ cuối năm học, được cơ quan quản lý cấp trên và nhà trường đánh giá đạt hiệu quả, được các cấp tặng Giấy khen, Bằng khen [H1-1.1-06]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường căn cứ vào chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của địa phương.

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục hằng ngày.

Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện của trường: Ứng dụng công nghệ số trong dạy và học, xây dựng chương trình phù hợp với bối cảnh địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, giáo viên.	Kế hoạch giáo dục phát triển nhà trường. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	Không
Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-07]; [H1-1.9-01].

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.3-01].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [1.3-01]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường. Trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường.	Cán bộ quản lý nhà trường.	Quy chế dân chủ, bảng công khai,	Năm học 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn

phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án như: phương án đảm bảo an toàn về ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường mầm non [H1-1.10-03]; phương án chữa cháy [H1-1.10-04]; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bếp ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm và Phòng GD&ĐT [1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong 5 năm qua không có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-01].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; phương án phòng chống tai nạn thương tích; phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; phương án an toàn

phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh như dịch bệnh truyền nhiễm; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, nhà trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại như: vòi nước, bình chữa cháy và các thiết bị đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ của nhà trường theo quy định hiện hành, tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tập huấn thực hành phương án phòng chống cháy nổ, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy [H1-1.2-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng, phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; phương án phòng chống tai nạn thương tích; phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, tập huấn sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học và phổ biến với cán bộ, giáo viên, nhân viên trẻ em và cha mẹ trẻ em của trường.	Cán bộ, giáo viên, nhân viên cha mẹ trẻ, nhân dân trên địa bàn.	Các phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong trường học	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được cụ thể hóa thành kế hoạch trung hạn, ngắn hạn theo từng giai đoạn và nhiệm vụ năm học được UBND xã thông qua và được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, được công khai theo quy định. Có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có chi bộ Đảng, Hội đồng trường và các đoàn thể hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và Điều lệ của từng tổ chức. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường phối hợp hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng nuôi trường chăm sóc giáo dục trẻ và phát triển nhà trường. Hiện tại có 01 hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trường có 04 nhóm nhà trẻ, 7 lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và học 2 buổi/ngày. Hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đảm bảo tuyệt đối an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí.

Trong đó: Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt mức 2: 10/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt mức 3: 4/5 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn. Chất lượng, năng lực của đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Cán bộ quản lý của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Tất cả cán bộ quản lý trong nhà trường đều có trình độ trung cấp lý luận chính trị và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, được bố trí công việc phù

hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Đội ngũ giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành. Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật. Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 Ban hành Điều lệ trường mầm non. Phó hiệu trưởng 1 Lò Thị Phương phụ trách nhà trường công tác liên tục trong ngành GDMN là 19 năm, phó hiệu trưởng 2 Hà Thị Thuý công tác liên tục trong ngành GDMN là 21 năm [H2-2.1- 01]. Các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý GDMN [H2-2.1-02], có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.2- 05]; [H1-1.4- 01]; [H2-2.1- 03].

Hằng năm, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại đạt khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng trường Mầm non [H2-2.1- 04].

Hằng năm cán bộ quản lý đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý GDMN theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề các cấp [H2- 2.1-05].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó hiệu trưởng có 3 năm được đánh giá đạt ở mức tốt, 2 phó hiệu trưởng có 2 năm đạt mức tốt [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng luôn được tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường và được lãnh đạo các cấp đánh giá cao, khen thưởng [H2-2.1- 02]; [H2-2.1- 06]; [H2-2.1- 07].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng có 3 năm xếp loại tốt, Phó hiệu trưởng 1 có 02 năm được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại tốt, 03 năm xếp loại khá; Phó hiệu trưởng 2 có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt; 02 năm được đánh giá xếp loại khá; 1 năm xếp trung bình theo chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường, luôn được đồng nghiệp tin nhiệm.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm đều được phòng GD&ĐT, trường đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó 03 năm xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý nhà trường tích cực bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản trị nhà trường để được đánh giá tốt theo Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch học tập, bồi dưỡng	Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***Mức 1:*

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022-2023 nhà trường có 22 giáo viên, tỷ lệ giáo viên/nhóm trẻ là 2,0; tỷ lệ GV/lớp mẫu giáo là 2,0; đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT- BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên mầm non của nhà trường có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non theo quy định tại điều lệ trường mầm non [H2-2.2- 01].

Đến thời điểm hiện tại tại nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên. Trong đó: giáo viên xếp loại tốt, tỷ lệ 50%; giáo viên xếp loại khá tỷ lệ 50% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Trong 5 năm liên tiếp, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên, trong đó: giáo viên xếp loại tốt, tỷ lệ 50%; giáo viên xếp loại khá tỷ lệ 50% [H2-2.2-02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-01].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên, trong đó: giáo viên xếp loại tốt, tỷ lệ 50%; giáo viên xếp loại khá tỷ lệ 50% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Hàng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non được triển khai và thực hiện nghiêm túc. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó có 50% xếp loại tốt. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Các văn bản liên quan đến đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.		Không

Tăng cường tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.	Giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm.	Năm học 2022-2023 và năm học tiếp theo.	Không
--	-----------	---	---	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm văn thư, 01 giáo viên kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn, 03 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ. Các nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm trong nhà trường đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.7-02].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7- 02].

Nhân viên trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.2- 02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập, số lượng nhân viên nấu ăn chưa đủ số lượng theo quy định tại

Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, hiện tại nhà trường phân công 03 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ [H1-1.7- 02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên [H1-1.3- 01].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên của trường có trình độ đào tạo theo đúng chuyên môn, đáp ứng được vị trí việc làm như: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học tài chính ngân hàng, nhân viên y tế kiêm nhiệm có bằng trung cấp y tế, nhân viên bảo vệ được tham gia tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe hàng năm, được tham gia các lớp tập huấn về VSATTP [H2-2.3-01]; [H2-2.1-03].

Hàng năm nhân viên y tế được tham gia tập huấn công tác y tế trường học, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp y tế theo đúng chuyên môn được giao. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe, được tham gia các lớp tập huấn về công tác VSATTP. Hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	Cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên nấu ăn	Văn bản tham mưu với phòng GDĐT	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình GDMN, có khả năng ứng

dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý, chỉ đạo. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá xếp loại khá và tốt theo Chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. 100% giáo viên trong trường có trình độ đào tạo trên chuẩn. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó xếp loại tốt đạt 41%. Hàng năm giáo viên, nhân viên trong trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nâng chuẩn trình độ đào tạo. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

Tuy nhiên, nhà trường có số lượng nhân viên nấu ăn chưa đủ theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV do đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn chưa có điều kiện để đóng thuê thêm tiền để thuê nhân viên nấu ăn, hiện tại nhà trường phân công 03 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí.

Trong đó: Số tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tiêu chí

Số tiêu chí đạt mức 2: 3/3 tiêu chí

Số tiêu chí đạt mức 3: 1/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất tôn tạo cảnh quan môi trường giáo dục an toàn - thân thiện - lành mạnh theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Vị trí của trường được đặt ở trung tâm khu dân cư đông đúc, giao thông thuận lợi, văn hóa xã hội phát triển, cùng với cơ sở vật chất đầy đủ. Nhà trường có 11 nhóm/lớp, có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp, có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài, có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động CSGD của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh, có vườn cây cho trẻ chăm sóc, các khu vực trải nghiệm sáng tạo mang đậm nét địa phương, sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, phòng họp, phòng của giáo viên, các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD đảm

bảo vệ diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp một chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây giành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 3.854,4m², đảm bảo bình quân tối thiểu 14,9m²/ trẻ. Trong đó Trung tâm: 1.952,4m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điểm trường khu B có diện tích 1.902m² đã có biên bản xác định diện tích ranh giới thửa đất và tờ trình xin mở rộng diện tích đất ở điểm trường khu B nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.[H3-3.1-01].

Nhà trường có 2 khu: Trung tâm và điểm trường khu B có cổng biển tên trường được ghi đầy đủ các thông tin; có tường xây kiên cố ngăn cách với bên ngoài đảm bảo vững chắc an toàn; khuôn viên đảm bảo vệ sinh phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập theo quy định tại Điều

5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang cho trẻ các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón sinh hoạt của trẻ em, hiên chơi có lan can với chiều cao 1,1 m. Sân chơi chung được bố trí, sắp xếp đủ các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Sân trường có cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế cho trẻ hoạt động. Tổng diện tích xây dựng công trình là 1.268m² chiếm 32,9%, trong đó: khu trung tâm là 748m², điểm trường khu B là 520m². Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập) cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 2.586,4m², chiếm 67% đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]; [3.1-02].

Khuôn viên trường đều có tường xây bao xung quanh dài 427,6m ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và điểm trường khu B có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc; có nhiều khu vực cho tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập như: Vườn cổ tích của bé, khu chợ quê, khu trải nghiệm pha chế cho trẻ [3.1-02].

Trung tâm và điểm trường khu B đều có các khu vực chơi được bố trí sắp xếp đầy đủ các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN. Sân chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có hàng rào chắn an toàn cho trẻ [H1-1.6-04]; [3.1-02].

Mức 3:

Trung tâm và điểm trường khu B đều có sân vườn riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, được bố trí đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Hằng năm, nhà trường đã rà soát, có bổ sung thiết bị đồ chơi trong và ngoài danh mục phù hợp với thực tế đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.6-04]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân cho trẻ đảm bảo theo quy định 13,1m²/ trẻ. Trung tâm và điểm trường khu B có công, biên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Cả 2 khu đều có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định, hằng năm bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế đảm bảo an toàn cho trẻ. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt

động giáo dục phát triển vận động, có các khu cho trẻ trải nghiệm đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Điểm trường khu B chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng GDĐT huyện Điện Biên, UBND xã Noong Hẹt nâng cấp phòng ngủ, cảnh quan môi trường tại điểm trường khu B.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ.	Xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí và tu sửa cơ sở vật chất và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi.	Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.	200 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11/11 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo 1 phòng/lớp; trong đó có 9 phòng kiên cố và 2 phòng bán kiên cố; Có 03 nhóm

trẻ 25-36 tháng; 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [3.2-01].

Nhà trường có 11 phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích 1,7 m²/trẻ để tổ chức các hoạt động học, chơi và tổ chức ăn cho trẻ, các phòng sinh hoạt chung được lát gạch men chống trơn, có thảm xốp ấm áp về mùa đông, có đủ bàn ghế cho cô và trẻ, có tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi phong phú đa dạng được trang trí, sắp xếp phù hợp chủ đề giáo dục đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có 2 phòng ngủ đáp ứng đủ nhu cầu cho trẻ (trung tâm có 01 phòng với diện tích 138m²; điểm trường khu B: 01 phòng với diện tích 45m²) [3.2-01]; [H3-3.2-02]. Có 01 khu giáo dục thể chất diện tích 200m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, 01 phòng giáo dục nghệ thuật ở trung tâm diện tích 70m² được trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, trang phục múa, dụng cụ âm nhạc, ...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ cho trẻ [3.2-01]; [H3-3.2-03].

Nhà trường có hệ thống điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ cho các hoạt động của nhà trường. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, đảm bảo đủ an toàn [3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Tổng diện tích phòng sinh hoạt chung là 498m²/292 trẻ, bình quân 1,7m²/trẻ đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Phòng ngủ có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, đảm bảo theo quy định để tổ chức các hoạt động thể chất và nghệ thuật với các thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc, đầy đủ đồ dùng để tổ chức cho trẻ các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như: múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật [3.1-02]; [H3-3.2-03].

Nhà trường có 11/11 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật riêng để tổ chức cho trẻ các hoạt động âm nhạc nghệ thuật với diện tích 70m². Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học nên hệ thống máy tính được bố trí ở các nhóm, lớp tại trung tâm và điểm trường khu B để cho trẻ hoạt động, làm quen với tin học và ngoại ngữ [3.2-01]; [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung được xây dựng kiên cố, bán kiên

cố đảm bảo diện tích bình quân 1,9m²/ trẻ, có hệ thống bóng điện, quạt điện, hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi được sắp xếp hợp lý, thuận tiện đảm bảo an toàn khi sử dụng; phòng ngủ có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học, ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo Phòng giáo dục, Ủy ban nhân dân huyện đầu tư xây dựng 02 phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.	Hiệu trưởng	Kế hoạch tham mưu, kế hoạch xã hội hóa giáo dục.	Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.	550 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1.

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2.

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3.

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trường; phòng dành cho

nhân viên; phòng bảo vệ; khu vệ sinh; khu để xe cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phòng hành chính quản trị; phòng Y tế [3.3-01].

Phòng hiệu trưởng và 02 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các thiết bị theo quy định hiện hành; văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, máy tính, máy chiếu và các thiết bị theo quy định; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; phòng hành chính quản trị có đầy đủ máy móc, thiết bị, tủ đựng hồ sơ sổ sách; phòng dành cho nhân viên có tủ đựng đồ dùng cá nhân; phòng bảo vệ đặt ở gần công trường có vị trí quan sát thuận lợi, có bàn ghế, đồng hồ, bảng; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ các thiết bị tối thiểu như: bệ ngồi, vòi rửa tay, nước lau nhà [H1-1.6-04]; [3.3-01].

Trung tâm có khu để xe dành cho cán bộ giáo viên, nhân viên với diện tích 70m² và điểm trường khu B với diện tích 60m² có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự, khoa học, đủ chỗ để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [3.3-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 70m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 15m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 15m², phòng hành chính - quản trị có diện tích 15m², phòng bảo vệ có diện tích 10m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 16m², phòng y tế có diện tích 15m², các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định [3.3-01]; [H3-3.1-01].

Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích để xe cho cán bộ, giáo viên [3.3-02].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định trường mầm non: Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, văn phòng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; phòng hành chính - quản trị; phòng dành cho nhân viên; nhà kho có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ trong nhà trường [3.1-02]; [H3- 3.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: 01 Phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng có đầy đủ trang thiết bị tối thiểu để thực hiện các hoạt động quản lý, chỉ đạo các hoạt động nhà trường; văn phòng; Phòng hành chính quản trị, phòng Y tế có đầy đủ các thiết bị để thực

hiện các công việc chuyên môn; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên đảm bảo diện tích theo quy định.

3. Điểm yếu: Phòng Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị chưa được xây dựng bố trí độc lập với khối phòng chăm sóc giáo dục trẻ và nhà bếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm nhà trường rà soát, kiểm kê cơ sở vật chất, các thiết bị của các phòng để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, thiết bị của các khối phòng.	Cán bộ quản lý, kế toán	Kế hoạch tham mưu bổ sung kinh phí.	Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.	270 triệu đồng
Tiếp tục tham mưu bố trí sắp xếp lại phòng hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị độc lập với khối phòng học tập của trẻ và nhà bếp	Hiệu trưởng	Kế hoạch tham mưu nâng cấp, sửa chữa		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố: Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh [3.4-01].

Kho thực phẩm được phân chia thành các khu vực riêng biệt để các loại thực phẩm: đồ khô như gạo, đồ đen, lạc, đồ tươi sống như cá, thịt có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập có giá để thực phẩm cách tường 10 cm, cách mặt đất 20cm, được xếp xếp gọn gàng, ngăn nắp, dễ lấy [3.4-01].

Nhà bếp có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, việc lưu mẫu thức ăn hàng ngày đảm bảo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thức ăn được bảo quản trong 24 giờ với số lượng và dụng cụ lưu mẫu đảm bảo vệ sinh, tủ lạnh được kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 2

Nhà trường có khu bếp ăn đảm bảo theo quy định Điều lệ trường mầm non với tổng diện tích 83m² gồm: Khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng để tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp ga, tủ nấu cơm điện, nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà trường có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước máy đảm bảo đủ cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.2-03]; [3.4-01].

Mức 3

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox để làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo không ô nhiễm môi trường; Nhà trường đã ký bản cam kết Bảo đảm an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể, có tủ đựng thức ăn có thiết kế lắp đặt đảm bảo để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [H1-1.10-08]; [H3-3.2-03]; [3.1-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng bán kiên cố, hoạt động theo dây chuyền một chiều; có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu: Bếp ăn chưa được xây dựng độc lập với khối phòng chăm sóc giáo dục trẻ và khối phòng hành chính quản trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/Công việc	Nhân lực thực	Điều kiện	Thời gian	Dự kiến
---------------------	---------------	-----------	-----------	---------

cần thực hiện	hiện	để thực hiện	thực hiện	kinh phí
Hàng năm nhà trường rà soát các loại đồ dùng phục vụ nhà bếp, và thực hiện bảo quản, sử dụng hiệu quả. Thanh lý các tài sản hết hạn, hỏng; lập nhu cầu bổ sung các đồ dùng, thiết bị mới đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ trách cơ sở vật chất, nhân viên nhà bếp, y sỹ trường học	Bàn giao tài sản cho các bộ phận quản lý; Lập nhu cầu báo cáo cán bộ quản lý theo hiện trạng.	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	20 triệu đồng
Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để xây dựng nhà bếp kiên cố.	Hiệu trưởng	Kế hoạch tham mưu bổ sung kinh phí.	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	450 triệu

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1.

Nhà trường có 11/11 lớp học có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định tại văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN và đồ dùng thiết bị ngoài danh mục: Nhóm nhà trẻ 25-36 tháng 03 bộ; Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi 03 bộ; Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 2 bộ; Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 03 bộ [H3-3.2-02]; [3.1-02]

Hàng năm nhà trường thường xuyên chỉ đạo các lớp làm bổ sung các thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự tạo để phục vụ học tập vui chơi cho trẻ thông qua các chủ đề, hội thi, phối kết hợp phụ huynh cùng làm, các đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục cũng bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [H3-3.2-02]; [3.1-02]

Các thiết bị, đồ dùng đồ chơi của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học. Nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD có hiệu quả tại các lớp [H3-3.2-03].

Mức 2:

Nhà trường có 4 máy tính phục vụ cho công tác quản lý và có 6 máy phục vụ cho hoạt động dạy học. 100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet [H3-3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 11/11 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học [H3-3.2-02].

Hàng năm nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN và đồ dùng thiết bị ngoài danh mục. Đội ngũ giáo viên trong trường có phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-04]; [3.5-02].

Mức 3.

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục và tự làm của nhà trường, ở các nhóm, lớp được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hàng năm nhà trường luôn có phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD. Máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hàng năm, nhà trường có tiến hành kiểm kê tài sản để có kế hoạch bổ xung và sửa chữa kịp thời.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm tiếp tục làm tốt công tác rà soát, kiểm kê các loại đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	Cán bộ quản lý, giáo viên,	Biên bản kiểm kê, bàn giao; danh mục đồ dùng đồ chơi	Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo	150 triệu đồng
Làm tốt công tác tham mưu và huy động nguồn lực từ cộng đồng bổ sung đồ dùng, đồ chơi ngoài trời cho trẻ	Cán bộ quản lý, giáo viên,	Kế hoạch tham mưu; xã hội hóa giáo dục		20 triệu đồng
Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu cùng giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.		2 triệu đồng
Tiếp tục làm tốt việc bảo quản các thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ	Quy chế bảo quản đồ dùng đồ chơi.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có 08 phòng vệ sinh của trẻ, 01 khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại Trung tâm và điểm trường khu B được xây dựng kiên cố, được phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường, khu vệ sinh có vách ngăn thấp đảm bảo việc giáo viên bao quát được trẻ, có đủ ghế ngồi bô chắc chắn dành cho trẻ nhà trẻ nhóm 25-36 tháng, sử dụng đảm bảo an toàn thuận lợi cho trẻ [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước sạch có máy lọc nước, nguồn nước máy, nước giếng khoan sạch sẽ, đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành [3.6-01]; [3.6-03]

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.6-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ là 150m², bình quân 0,51m²/trẻ. Khu vệ sinh của trẻ ở điểm trường khu B được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các khu vệ sinh đều có phòng vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái, có vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, thuận tiện cho giáo viên có thể bao quát trẻ, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với từng độ tuổi: (trẻ nhà trẻ có vòi nước rửa tay, đủ ghế ngồi bô cho trẻ nhóm trẻ 25-36 tháng); trẻ mẫu giáo có đủ vòi nước rửa tay, chỗ đi và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái) thùng chứa nước có nắp đậy an toàn. Phòng vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có diện tích bình quân 10m² /phòng, được bố trí phòng nam, nữ riêng biệt [3.6-01]; [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch gồm nước máy và nước giếng khoan, có máy lọc nước đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống

thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Khu vực sân trường, các lớp học, nhà bếp, phòng vệ sinh có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung, các điểm trường xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.6-01]; [H3-3.6-02]; [3.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 8 phòng vệ sinh của trẻ với diện tích bình quân 0,51m²/trẻ và khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và khu B đảm bảo diện tích, được phân chia thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ. Trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường kiểm tra, xây dựng kế hoạch sửa chữa phòng vệ sinh tại khu trung tâm và điểm trường khu B. Tham mưu với UBND xã và huy động cha mẹ học sinh, các tổ chức, các đơn vị, doanh nghiệp hỗ trợ để có thêm nguồn kinh phí tu sửa.	Cán bộ quản lý, Phòng GD&ĐT	Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước vận động tài trợ	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	10 triệu đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Công trình vệ sinh và hệ thống cung cấp nước.		5 triệu đồng
Thực hiện thường xuyên việc thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường; kiểm	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch nhà trường	Trong năm học 2022-2023 và những năm	3,5 triệu đồng

định chất lượng nước thường xuyên; kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.			tiếp theo.	
Tiếp tục làm tốt công tác vệ sinh tại các khu vệ sinh, lớp học sạch sẽ.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	Kế hoạch vệ sinh của nhà trường		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trường Mầm non xã Noong Hẹt có vị trí thuận lợi ở trung tâm dân cư, văn hóa xã hội phát triển, giao thông thuận tiện và hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 3.854,4m². Trong đó trung tâm: 1.952,4m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điểm trường khu B đã có biên bản kiểm tra hiện trạng đất xây dựng lớp học, tờ trình xin mở rộng diện tích đất. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại tại điểm trường khu B chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm/lớp học, các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm. Nhà trường có hệ thống máy tính đảm bảo cho trẻ làm quen với tin học nhưng chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và nhà trường đã ký bản cam kết Bảo đảm an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể. Khu vệ sinh giáo viên và trẻ được xây dựng khép kín và liên kế đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có hệ thống nước đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải đáp ứng theo quy định trường mầm non.

Tuy nhiên, khu B của trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Trong đó: Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6

Số tiêu chí đạt mức 2: 6/6

Số tiêu chí đạt mức 3: 2/5

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, huy động các nguồn lực đóng góp kinh phí và hiện vật để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 03 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 01 Ủy viên kiêm thư kí, các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01];

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-01];

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh đã triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường thực hiện có hiệu quả cao [H4 -4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Huy động trẻ ra lớp, tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động, tổ chức các ngày lễ trong năm như tổ chức trung thu cho trẻ, Bé vui tết Nguyên Đán, phụ huynh phối hợp lao động tạo cảnh quan môi trường. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [4.1-03].

Mức 3:

Trong những năm học qua Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.2-05]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các nhóm, lớp và của trường được thành lập dưới sự đồng thuận của 100% cha mẹ trẻ em. Ban đại diện cha mẹ trẻ em có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chủ trương, chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh, cộng đồng. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ..

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, các lớp.	Cán bộ quản lý, giáo viên, Cha mẹ	Biên bản họp phụ huynh đầu năm của	Đầu các năm học tiếp theo.	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
	trẻ các lớp	trường, lớp		
Tuyên truyền, vận động nhiều phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất. Kế hoạch thực hiện “Đề án tăng cường tiếng

Việt”, thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm [H1-1.6-08]; [H3-3.1-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-05]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [4.1-03].

Nhà trường huy động nguồn nhân lực từ các tổ chức, cá nhân, cha mẹ trẻ trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ với tổng số tiền là: 260.311.000 (Từ cha mẹ trẻ, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân từ thiện ủng hộ). Trong 5 năm tổng ngày công lao động huy động được 3420 ngày công (Trong đó cha mẹ trẻ: 3280 ngày công, Dân quân xã: 100 ngày công, Đơn vị kết nghĩa Đồn Biên phòng Tây trang: 40 ngày công). Số ngày công và số tiền huy động nhà trường dùng để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ I theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 [4.1-03]; [H1-1.2-05]; [H1-1.6-08].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.1-01]; [H1-1.2-05];

Nhà trường phối hợp với đoàn thể ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, của trường, công đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả như: Trải nghiệm "Ngày hội bé đến trường", "Lễ hội thành Hoàng Bản phủ", "Bé vui đón tết 2022", "Vui tết trung thu", giao lưu văn nghệ như 20/11, 8/3, 20/10. Tổ chức cho trẻ tham quan các di tích lịch sử, đền Hoàng Công Chất và danh lam thắng cảnh của Điện Biên [4.1-03]; [H1-1.2- 05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng, thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học và từng giai đoạn. Tích cực tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục tới cha mẹ trẻ em và cộng đồng. Nhà trường huy động và sử dụng hợp pháp các nguồn nhân lực từ các tổ chức,

cá nhân, cha mẹ trẻ trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục và tổ chức các hoạt động của trẻ với tổng số tiền là trên: 260 triệu đồng. Trong 5 năm huy động được 3420 ngày công lao động từ cha mẹ trẻ, dân quân xã và đơn vị kết nghĩa- Đồn Biên phòng Tây trang. Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện góp phần giáo dục truyền thống cho trẻ. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với tổ chức, đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	Cán bộ quản lý trường	Tờ trình Kế hoạch phối hợp	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về phát triển GDMN	Cán bộ quản lý trường	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền.		Không
Tăng cường phối hợp, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.	Cán bộ quản lý, giáo viên, Ban đại diện cha mẹ trẻ.	Kế hoạch phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường được thành lập, hoạt động theo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ góp phần thực hiện tốt, đồng thời truyền thông về các chủ trương, chính sách về phát triển GDMN và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của trường.

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn xã. Đồng thời thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh. Nhà trường là đơn vị phối hợp thực hiện, là nơi tổ chức một số hoạt động lễ hội, sự kiện của địa phương.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2, trong đó cả 2 tiêu chí đạt mức 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển Chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 95%. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi được đánh giá là đạt các mục tiêu và hoàn thành chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo đúng kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên theo Thông tư Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01];

Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành được nhà trường thực hiện phát triển phù hợp quy định về chuyên môn của sở, Phòng GD&ĐT theo Thông tư Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, Nhà trường sử dụng phần mềm Kidsmart, đưa công nghệ số vào Chương trình chăm sóc, giáo dục cho trẻ được làm quen [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01];

Nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo định kỳ đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng và đánh giá trẻ cuối độ tuổi, chỉ đạo các nhóm lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời [H1-1.2-04]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi được đánh giá qua mục tiêu các chủ đề, tròn tháng, cuối độ tuổi [H5-5.1-02];

Căn cứ vào chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đơn vị trường đã xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Căn cứ vào Chương trình GDMN do nhà trường ban hành, chỉ đạo giáo viên cốt cán xây dựng kế hoạch năm học cho các độ tuổi và tổ chức thực hiện, phát triển chương trình phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện thực tế trường, lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tổ chức và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng chương trình GDMN của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế dân tộc của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi bám vào chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục, nhà trường đã tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới thông qua mạng Internet [H1-1.2-04];

Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục theo kế hoạch phù hợp với địa phương, với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức cho trẻ làm quen với tin học qua phần mềm kidsmart. Hằng năm, chương trình, kế hoạch giáo dục được nhà trường đánh giá và điều chỉnh, bổ sung phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tăng cường tư vấn, kiểm tra giáo viên thực hiện phát triển chương trình giáo dục.	Cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.	Trong năm học và các năm tiếp theo.	Không
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong quá trình xây dựng chương trình, kế hoạch CSGD trẻ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Chương trình giáo dục của Bộ GDĐT, của nhà trường và một số nước khác		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hướng dẫn giáo viên linh hoạt sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của nhà trường, kết quả chăm sóc, giáo dục của các nhóm lớp luôn đảm bảo được mục tiêu đề ra [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

Nhà trường xây dựng môi trường theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường ở trung tâm và các điểm trường bố trí các khu vực chơi cho trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Vườn cổ tích, vườn rau của bé; khu trải nghiệm cách pha chế, trải nghiệm sáng tạo; các góc địa phương, bản sắc quê em; khu phát triển vận động, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động sáng tạo, khám phá, trải nghiệm [4.1-03];

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo 11/11 nhóm/lớp chú trọng tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phong phú, tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp, địa phương [H5-5.1-01]; [4.1-03]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Đội ngũ giáo viên đã tích cực xây dựng môi trường trong và ngoài lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cho trẻ hoạt động với môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo, tạo môi trường, bổ sung các nguyên vật liệu, học liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.1-01]; [4.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo

dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm, lớp và điều kiện thực tế. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Khuyến khích giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên.	Nguyên vật liệu sẵn có của địa phương, đồ dùng đồ chơi được cấp phát.	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	50 triệu đồng
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là về việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Noong Hẹt tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, kiểm tra sức khỏe phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02];

Hàng năm 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tính đến thời điểm được đánh giá nhà trường có: Trẻ có cân nặng bình thường 289/292 cháu đạt 99%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 3/292 cháu chiếm 1%, trẻ có chiều cao bình thường 288/292 cháu đạt 99,3%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/292 cháu chiếm 1,3% [H5-5.3-03];

Hàng năm, ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi nhằm đưa ra những biện pháp can thiệp phù hợp như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Trong năm học 2022-2023 nhà trường đã có kế hoạch can thiệp phục hồi cho 20 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, 21 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, Kết quả phục hồi dinh dưỡng hàng năm được cải thiện so với đầu năm học: giảm từ 20 trẻ xuống còn 3 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, giảm từ 21 trẻ xuống còn 4 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, [H5-5.3-04].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ, tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, thực hiện nghiêm túc phòng, chống các bệnh truyền

niêm thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày [H4-4.1-02]; [5.3-05];

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [H2-2.1-03]; [5.3-06];

Nhà trường và các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, có các biện pháp can thiệp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết suất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đã được cải thiện. Số trẻ được phục hồi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 3/20 trẻ (giảm từ 6,8% xuống còn 1, %), số trẻ được phục hồi suy dinh dưỡng thể thấp còi 4/21 trẻ (giảm từ 7, % xuống còn 1,3%) [H5-5.3-04].

Mức 3

Hằng năm kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 95% trở lên, tính đến thời điểm đánh giá: Trẻ có cân nặng bình thường bình thường 289/292 cháu đạt 99%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 3/292 cháu chiếm 1%, trẻ có chiều cao bình thường 288/292 cháu đạt 89,9%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/292 cháu chiếm 1,3% [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Noong Hẹt, tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định: Trẻ có cân nặng bình thường bình thường 289/292 cháu đạt 99%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 3/292 cháu chiếm 1%, trẻ có chiều cao bình thường 288/292 cháu đạt 89,9%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/292 cháu chiếm 1,3%. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Noong Hẹt khám sức khỏe định kỳ tổ chức tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Noong Hẹt	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, y tế.	Các văn bản chỉ đạo về thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.		Không
- Nhà trường kết hợp cùng với GV, phối kết hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, y tế, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của nhà trường đạt 95,8 %, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 96,2%, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 95,3 % [H1-1.2-05]; [H5-5.4-01];

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường được đánh giá hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H5-5.4-02];

Năm học 2017-2018 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập; 2020-2021 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập, toàn trường có 65 trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-02]; [H5-5.4-03].

Mức 2

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 90% [H1-1.2-06]; [H5-5.4-01];

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-02];

Nhà trường có 2/2 trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi, đánh giá có sự tiến bộ đạt 100% [H1-1.5-02].

Mức 3

Qua các năm học số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-02];

Nhà trường có 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên các nhóm, lớp làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần hằng năm của nhà trường đạt 95,8%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 96,2%, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 96,3%. Hàng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Trẻ khuyết tật được quan tâm huy động và tổ chức học hòa nhập tại trường. Các trẻ đều được nhà trường đánh giá có tiến bộ trong quá trình học hoà nhập.

3. Điểm yếu

Nhà trường có 4,2% trẻ đi học chưa chuyên cần (trong đó trẻ 5 tuổi là: 3,8%, trẻ dưới 5 tuổi là: 4,7%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Quyết định giao biên chế số lớp, số học sinh hàng năm.	Trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo	Không
Giáo viên các nhóm, lớp phối hợp chặt chẽ với nhân viên y tế để theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật học hòa nhập	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập.		Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5.

Nhà trường đã xây dựng được chương trình giáo dục của trường đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được thực hiện linh hoạt, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp được chú trọng xây dựng. Trường có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 95%, không có trẻ béo phì. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được đánh giá hoàn thành chương trình GDMN, trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt tỷ lệ cao.

Tuy nhiên, nhà trường còn có trẻ suy dinh dưỡng và trẻ đi học chưa chuyên cần.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 4 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu là 4/4, trong đó: cả 4/4 tiêu chí đều đạt mức 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần II. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2018 – 2019 đến nay. Trường Mầm non xã Noong Hẹt đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liên tiếp thể nhà trường đạt được danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên. Nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục, thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể, các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của Đảng uỷ, chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá trường mầm non xã Noong Hẹt đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25 tiêu chí đạt 100%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25 tiêu chí đạt 100%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 14/19 tiêu chí đạt 73,7%

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 5/19 tiêu chí chiếm 26,3%

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non xã Noong Hẹt huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2, trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ I.

Trường mầm non xã Noong Hẹt đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ I.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường mầm non xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Điện Biên, ngày 09 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Thị Mai Thanh

Phần IV: PHỤ LỤC

Bao gồm danh mục mã hóa minh chứng 5 tiêu chuẩn